

Kính gửi: Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân Hàng")
To: HSBC Bank (Vietnam) Ltd. ("HSBC")

Địa chỉ

Address

Số Fax HSBC: 08 6255 5704
(Fax number of "HSBC")

Người nhận: Phòng Nghiệp Vụ
Attention: Services Department

Ngày/Date

Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Doanh Nghiệp
Company's Relationship Manager

XÁC NHẬN VỀ TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ("TGCKH") CONFIRMATION ON TIME DEPOSIT ("TMD")

(* Lưu ý/Note:

Xác nhận này sẽ không có hiệu lực nếu không được đóng dấu giáp lai của Doanh Nghiệp vào tất cả các trang.
This Confirmation Form is not valid if it is not affixed by the Company's chop/stamp/seal on the margin of each consecutive page.

Tên Doanh Nghiệp/Company name

Địa chỉ công ty/Company address

Theo nội dung đã trao đổi với Ngân Hàng, chúng tôi muốn xác nhận về việc đặt TGCKH tại Ngân Hàng như sau:
Further to our discussion with HSBC, we would like to confirm our placement of TMD at HSBC as follows:

Số tham chiếu/TMD ref:	<input type="text"/>
Số tiền gửi/Deposit amount:	<input type="text"/>
Ngày gửi tiền/Value date:	<input type="text"/>
Kỳ hạn/Tenor: hoặc/or: Ngày đáo hạn/Maturity date:	<input type="text"/> <input type="text"/>
Lãi suất cố định/Fixed interest rate:	<input type="text"/> % năm / % p.a
Tiền lãi/Interest amount:	<input type="text"/>

Chúng tôi xác nhận và đồng ý rằng TGCKH nêu trên sẽ phụ thuộc vào các Điều Khoản và Điều Kiện sau ("Điều Khoản và Điều Kiện TGCKH"):

We acknowledge that the above TMD shall be subject to the following Terms and Conditions (the "TMD Terms"):

- Vào ngày gửi tiền, Ngân Hàng sẽ ghi nợ tài khoản chúng tôi số mở tại Ngân Hàng để đặt TGCKH nêu trên.
On value date, HSBC shall debit our account number with HSBC to place the above TMD.
- Chỉ thị khi đáo hạn/Maturity Instructions:
 - Nhận lãi hàng tháng. Ghi có tài khoản chúng tôi số mở tại HSBC;
Receive interest monthly. Credit account number with HSBC;
 - Vào ngày đáo hạn, tái gửi cả tiền gốc và lãi cho một thời hạn mới là hoặc đáo hạn ngày
Renew principal plus interest on maturity date for or mature on
 - Rút lãi vào ngày đáo hạn và tái gửi tiền gốc cho một thời hạn mới là hoặc đáo hạn ngày
Repay interest and renew principal on maturity date for or mature on
 - Lãi cuối kỳ ghi có tài khoản chúng tôi số mở tại HSBC;
Interest on maturity date credit to account number with HSBC;

▶ Chuyển cả tiền gốc và lãi vào tài khoản của chúng tôi số tại
Repay principal and interest to our account number *with*

▶ Khác (nêu rõ)/Other (please specify)

- TGCKH không được rút trước thời hạn. Nếu Ngân Hàng cho phép chúng tôi rút TGCKH trước hạn, chúng tôi đồng ý rằng Ngân Hàng có thể thu một khoản phí rút trước hạn
Premature withdrawals of TMD shall be unallowable. Should HSBC agree on our request of the premature withdrawal, we agree that a break charge calculated by HSBC might be applied ("Break charge"). ()*
- Bản Điều Khoản và Điều Kiện Chung của Ngân Hàng cũng sẽ điều chỉnh cho (những) tài khoản TGCKH mà chúng tôi đang mở.
This TMD shall be further subject to the General Terms and Conditions of HSBC governing the account(s) which we are now opening.
- Xác nhận này chỉ có hiệu lực nếu Ngân Hàng nhận được trước giờ ngưng giao dịch (cut off time) trong cùng ngày với Thư xác nhận.
This Confirmation on TMD shall only be valid if received by HSBC prior to the cut off time of the same date of this letter.

Chữ ký Người Được Ủy Quyền và dấu của Công Ty
Account's Authorised Signatory and Company's Chop/ Stamp/ Seal
(Chữ ký điện tử không có hiệu lực / *e-Signature is not valid*)

Chữ ký Người Được Ủy Quyền và dấu của Ngân Hàng
HSBC's Authorised Signatory and HSBC's Chop/ Stamp/ Seal



Tên/Name

Chức vụ/Position

Tên/Name

Chức vụ/Position

(*) Khoản phí rút trước hạn = (COF-VOF) x Vốn gốc x Kỳ hạn còn lại/360 (áp dụng khi >0)
Break charge = (COF-VOF) x Prepaid Value x Residual Tenor/360 (charge only if >0)

- ▶ COF nghĩa là chi phí vốn mà Ngân Hàng phải chịu nhằm để vay một khoản tiền thay thế cho khoản TGCKH vào ngày rút trước hạn cho Kỳ hạn còn lại.
COF means HSBC's cost of fund born by HSBC (for borrowing fund to replace the deposit) on the date of termination for a period comparable to the Residual Tenor.
- ▶ VOF nghĩa là giá trị của khoản tiền áp dụng đối với khoản TGCKH.
VOF means HSBC's value of fund applicable to the TMD.
- ▶ Kỳ hạn còn lại nghĩa là khoảng thời gian từ ngày rút trước hạn cho đến ngày đáo hạn.
Residual tenor means a period of days commencing on the date of termination and ending on the maturity date.